|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 22

TIẾT: 41

BÀI 35: **MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Khái niệm môi trường**

Môi trường sống của sinh vật bao gồm tất cả những gì bao quanh sinh vật.

Có 4 loại môi trường chủ yếu:

* Môi trường nước
* Môi trường trong đất
* Môi trường đất – không khí
* Môi trường sinh vật

**2.Nhân tố sinh thái**

-Khái niệm:Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.

-Các loại nhân tố sinh thái:

Các nhân tố sinh thái được được chia thành hai nhóm: nhóm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh.

Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh bao gốm nhân tố sinh thái con người và nhân tố sinh thái các sinh vật khác.

**3.Giới hạn sinh thái**

Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.

**II. BÀI TẬP**

1. Giới hạn sinh thái là gì? Cho ví dụ về giới hạn sinh thái ảnh hưởng đến phân bố của sinh vật.

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Cơ thể người có thể được coi là môi trường sống của sán kí sinh trong ruột người được không? Vì sao?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 22

TIẾT: 42

BÀI 35: **ẢNH HƯỞNG CỦA ÁNH SÁNG LÊN ĐỜI SỐNG CỦA SINH VẬT**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật**

 -Ánh sáng ảnh hưởng đến đặc điểm hình thái (hình dáng, màu sắc, lá, thân…), các quá trình sinh lý (quang hợp, hô hấp…) và sinh sản của thực vật.

 -Dựa và nhu cầu ánh sáng, thực vật được chia làm 2 nhóm là nhóm ưa sáng và nhóm ưa bóng.

**2.Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật**

-Ánh sáng tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật và định hướng trong không gian.

-Nhịp điệu chiếu sáng ngày và đêm ảnh hưởng đến hoạt động sống của nhiều loài động vật.

-Ánh sáng ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và sinh sản của động vật.

-Theo nhu cầu ánh sáng, động vật được chia thành nhóm động vật ưa sáng và nhóm động vật ưa tối.

**II. BÀI TẬP**

1. Nêu sự khác nhau giữa thực vật ưa sáng và thực vật ưa bóng.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Nêu sự khác nhau giữa động vật ưa sáng và động vật ưa tối.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 23,TIẾT: 43, BÀI 35:

**ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆT ĐỘ VÀ ĐỘ ẨM LÊN ĐỜI SỐNG CỦA SINH VẬT**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Ảnh hưởng của nhiệt độ**

 - Nhiệt độ ảnh hưởng đến các đặc điểm hình thái, sinh lí của sinh vật.

 - Mỗi loại có một giới hạn sinh thái về nhiệt độ khác nhau.

 - Sự biến đổi của nhiệt độ môi trường cũng ảnh hưởng tới các đặc điểm hình thái và sinh thái của các sinh vật. Ví dụ: sự di cư của chim, ngủ đông của động vật…

- Dựa và khả năng duy trì nhiệt độ cơ thể , người ta chia sinh vật thành 2 nhóm:

\* Sinh vật biến nhiệt: là những sinh vật có nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường gồm : vi sinh vật, nấm, thực vật, động vật không xương sống, cá, ếch nhái và bò sát.

\* Sinh vật hằng nhiệt: là những sinh vật có khả năng điều hòa và giữ nhiệt độ cơ thể ổn định, gồm: chim, thú và người.

**2.Ảnh hưởng của độ ẩm**

- Độ ẩm của không khí và đất ảnh hưởng đến sự phân bố, đặc điểm hình thái, sinh lí của sinh vật…

- Mỗi loài sinh vật có một giới hạn chịu đựng về độ ẩm.

- Thực vật và động vật đều có nhiều đặc điểm thích nghi với môi trường có độ ẩm khác nhau.

- Dựa vào khả năng chịu đựng của sinh vật đối với độ ẩm, người ta chia như sau:

\* Thực vật gồm: thực vật ưa ẩm và thực vật chịu hạn.

\* Động vật gồm: động vật ưa ẩm và động vật ưa khô.

**II. BÀI TẬP**

1. Động vật hằng nhiệt và động vật biến nhiệt thì loài nào có khả năng phân bố rộng hơn? Vì sao?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Nêu sự khác nhau giữa nhóm cây ưa ẩm và nhóm cây chịu hạn.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 23

TIẾT: 44, BÀI 35: **ẢNH HƯỞNG LẪN NHAU GIỮA CÁC SINH VẬT.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Quan hệ cùng loài**

 -Hỗ trợ (các cá thể hỗ trợ lẫn nhau trong các nhóm cá thể).

 -Cạnh tranh(khi gặp điều kiện bất lợi dẫn đến hiện tượng tách đàn ở động vật hoặc tỉa cành ở thực vật).

 **2.Quan hệ khác loài**

-Hỗ trợ: + Cộng sinh: là sự hợp tác cùng có lợi giữa các loài sinh vật.

+ Hội sinh: Sự kết hợp giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi và cũng không có hại.

-Đối địch: + Cạnh tranh: giành nhau thức ăn, nơi ở và các điều kiện sống khác. Các loài kìm hãm sự phát triển của nhau.

 + Kí sinh, nửa kí sinh: Sinh vật sống nhờ trên cơ thể sinh vật khác, lấy các chất dinh dưỡng, máu… từ sinh vật đó.

**II. BÀI TẬP**

1. Các sinh vật cùng loài hỗ trợ hoặc cạnh tranh với nhau trong những điều kiện nào?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Trong thực tiễn sản xuất, cần làm gì để tránh sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 24

TIẾT: 45, BÀI 35: **QUẦN THỂ SINH VẬT.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Khái niệm quần thể sinh vật**

- Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

-Ví dụ: Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.

 **2. Những đặc trưng cơ bản của quần thể** (giới thiệu)

- Tỉ lệ giới tính

- Thành phần nhóm tuổi

-Mật độ quần thể

**3. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật**

**-** Các điều kiện sống của môi trường ảnh hưởng tới số lượng cá thể của quần thể.

 - Số lượng cá thể tăng khi môi trường sống thuận lợi. Tuy nhiên, khi mật độ cá thể tăng quá cao dẫn tới thiếu thức ăn, nơi ở,... nhiều cá thể sẽ bị chết → mật độ quần thể lại được điều chỉnh trở về mức cân bằng.

**II. BÀI TẬP**

1. Có những dấu hiệu nào để nhận biết đó là một quần thể? Khi mật độ quần thể tăng quá cao sẽ dẫn đến hiện tượng gì?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Mật độ các cá thể trong quần thể được điều chỉnh quanh mức cân bằng như thế nào?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 24

TIẾT: 46, BÀI 35: **QUẦN THỂ NGƯỜI.**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Khác nhau giữa quần thể người với khác quần thể sinh vật khác**

- Quần thể người có những đặc điểm sinh học giống quần thể sinh vật khác.

- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác: kinh tế, xã hội ....

- Con người có lao động và tư duy có khả năng điều chỉnh đặc điểm sinh thái trong quần thể.

**2. Đặc trưng thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người** (giới thiệu)

Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi : + Nhóm tuổi trước sinh sản.

 + Nhóm tuổi lao động và sinh sản

 + Nhóm tuổi hết lao động nặng

Tháp dân số (tháp tuổi) thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước.

**3. Sự tăng trưởng dân số và phát triển xã hội:** Phát triển dân số hợp lí tạo được sự hài hoà giữa kinh tế, xã hội, đảm bảo cuộc sống cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.

**II. BÀI TẬP**

1. Vì sao quần thể người có một số đặc trưng mà quần thể sinh vật khác không có?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lí của mỗi quốc gia là gì?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 25

TIẾT: 47

BÀI 35: **QUẦN XÃ SINH VẬT.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Khái niệm quần xã sinh vật**

- Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau.

-Ví dụ: Quần xã rừng mưa nhiệt đới

**2. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng.

**3. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã**

- Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã tạo nên sự thay đổi theo chu kì: chu kì ngày đêm, chu kì mùa.

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn đến số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và số lượng cá thể luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Khống chế sinh học làm cho số lượng cá thể của mỗi quần thể dao động quanh vị trí cân bằng, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

**II. BÀI TẬP**

1. Quần xã sinh vật khác với quần thể sinh vật như thế nào?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Hãy lấy ví dụ về cân bằng sinh học.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 25, TIẾT: 48, BÀI 35: **HỆ SINH THÁI.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Khái niệm hệ sinh thái**

- Hệ sinh thái bào gồm quần xã và khu vực sống của quần xã (gọi là sinh cảnh).

- Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động qua lại với nhau và tác động với nhân tố vô sinh của môi trường tạo thành 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Một hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:

+ Nhân tố vô sinh

+ Nhân tố hữu sinh: \* Sinh vật sản xuất

 \* Sinh vật tiêu thụ: bậc 1, bậc 2, bậc 3...

 \* Sinh vật phân huỷ.

**2. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn**

**- Chuỗi thức ăn** là 1 dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài sinh vật trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

**- Lưới thức ăn**

+ Các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành 1 lưới thức ăn.

+ Lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm 3 thành phần: SV sản xuất, SV tiêu thụ, SV phân huỷ.

**II. BÀI TẬP**

1. Cho ví dụ về hệ sinh thái. Hãy cho biết hệ sinh thái có những thành phần cơ bản nào?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Giả sử có một quần xã sinh vật gồm có các sinh vật sau: cỏ, thỏ, dê, chim ăn sâu, sâu ăn thực vật, hổ, mèo rừng, vi sinh vật.

Hãy chỉ ra trong quần xã sinh vật trên có thể có những chuỗi thức ăn nào? Vẽ lưới thức ăn của quần xã sinh vật đó.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 26

TIẾT: 50, BÀI 35: **TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội**

 - Thời nguyên thủy: + Săn bắt, hái lượm

+ Gây cháy rừng.

- Xã hội nông nghiệp:

 + Trồng trọt, chăn nuôi, chặt phá rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc, làm nhà...

 + Nhiều vùng bị khô cằn và suy giảm độ màu mỡ, diện tích rừng bị thu hẹp.

 + Nhiều giống vật nuôi, cây trồng hình thành.

- Xã hội công nghiệp:

 + Xây dựng nhiều khu công nghiệp, khai thác tài nguyên bừa bãi làm cho diện tích đất càng thu hẹp, rác thải lớn.

 + Sản xuất nhiều loại phân

bón, thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật làm cho sản lượng lương thực tăng, khống chế dịch bệnh, nhưng gây hậu quả ô nhiễm môi trường.

 + Tạo ra nhiều giống vật nuôi, cây trồng có giá trị.

**2. Tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên:**Nhiều hoạt động của con người đã gây hậu quả rất xấu: mất cân bằng sinh thái, xói mòn và thoái hoá đất, ô nhiễm môi trường, cháy rừng, hạn hán, ảnh hưởng đến mạch nước ngầm, nhiều loài sinh vật có nguy cơ bị tuyệt chủng...

**3.Vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên**

- Con người đã và đang nỗ lực để bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên bằng các biện pháp:

+ Hạn chế phát triển dân số quá nhanh.

+ Sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

+ Bảo vệ các loài sinh vật.

+ Phục hồi và trồng rừng.

+ Kiểm soát và giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm.

+ Lai tạo giống có năng xuất và phẩm chất tốt...

**II. BÀI TẬP**

1. Nêu nguyên nhân dẫn đến suy thoái môi trường do hoạt động của con người.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Con người cần làm gì để bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 27

TIẾT: 51, BÀI 35**: Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG.**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Khái niệm ô nhiễm môi trường**

- Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn, đồng thời các tính chất vật lí, hoá học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác.

- Ô nhiễm môi trường do:

+ Hoạt động của con người.

+ Hoạt động của tự nhiên: núi lửa phun nham thạch, xác sinh vật thối rữa...

**2. Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm**

***1. Ô nhiễm do các chất khí thải ra từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt***

- Các khí thải độc hại cho cơ thể sinh vật: CO; CO2; SO2; NO2... bụi do quá trình đốt cháy nhiên liệu từ các hoạt động: giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, đun nấu sinh hoạt...

***2. Ô nhiễm do hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học***

- Các hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học thường tích tụ trong đất, ao hồ nước ngọt, đại dương và phát tán trong không khí, bám và ngấm vào cơ thể sinh vật.

- Con đường phát tán:

+ Hoá chất (dạng hơi) ⭢ nước mưa ⭢ đất (tích tụ) ⭢ Ô nhiễm mạch nước ngầm.

+ Hoá chất ⭢ nước mưa ⭢ ao hồ, sông, biển (tích tụ) ⭢ bốc hơi vào không khí.

***3. Ô nhiễm do các chất phóng xạ:*** Các chất phóng xạ từ chất thải của công trường khai thác, chất phóng xạ, nhà máy điện nguyên tử,…..

***4. Ô nhiễm do các chất thải rắn:*** Chất thải rắn gây ô nhiễm môi trường: đồ nhựa, giấy vụn, cao su, rác thải, bông kim y tế...

***5. Ô nhiễm do sinh vật gây bệnh:*** Sinh vật gây bệnh có nguồn gốc từ chất thải không được thu gom và xử lí: phân, rác,….

**II. BÀI TẬP**

1. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường là gì?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2.Ô nhiễm môi trường có tác hại như thế nào đối với sức khỏe con người?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 27

TIẾT: 52, BÀI 35: **SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu:** Có 3 dạng tài nguyên thiên nhiên:

+ Tài nguyên tái sinh: khi sử dụng hợp lí sẽ có khả năng phục hồi (tài nguyên sinh vật, đất, nước...)

+ Tài nguyên không tái sinh là dạng tài nguyên qua 1 thời gian sử dụng sẽ bị cạn kiệt (than đá, dầu mỏ...)

+ Tài nguyên vĩnh cửu: là tài nguyên sử dụng mãi mãi, không gây ô nhiễm môi trường (năng lượng mặt trời, gió, sóng...).

***2. Sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên***

- Sử dụng hợp lí tài nguyên đất

Cách sử dụng hợp lí: chống xói mòn, chống khô hạn, chống nhiễm mặn.. và nâng cao độ phì nhiêu của đất.

Biện pháp: Thuỷ lợi, kĩ thuật làm đất, bón phân, chế độ canh tác... đặc biệt là trồng cây, gây rừng nhất là rừng đầu nguồn.

- Sử dụng hợp lí tài nguyên nước: Cách sử dụng hợp lí: khơi thông dòng chảy, không xả rác thải công nghiệp và sinh hoạt xuống sông, hồ, ao, biển.. tiết kiệm nguồn nước.

- Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng: Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng: khai thác hợp lí kết hợp với trồng rừng và bảo vệ rừng. Thành lập khu bảo tồn thiên nhiên.

**II. BÀI TẬP**

1. Phân biệt tài nguyên tái sinh và tài nguyên không tái sinh?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Tại sao phải sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên?

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 28, TIẾT: 53, BÀI 35:

**KHÔI PHỤC MÔI TRƯỜNG VÀ GÌN GIỮ THIÊN NHIÊN HOANG DÃ**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Ý nghĩa của việc khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã***

- Môi trường đạng bị suy thoái.

- Gìn giữ thiên nhiên hoang dã là bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng tránh ô nhiễm môi trường, luc lụt, hạn hán, ... góp phần giữ cân bằng sinh thái

***2. Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên***

- Bảo vệ tài nguyên sinh vật:

+ Bảo vệ các rừng già, rừng đầu nguồn...

+ Xây dựng các khu bảo tồn, các vườn quốc gia để bảo vệ các sinh vật hoang dã.

+ Trồng cây, gây rừng, tạo môi trường sống cho nhiều loài sinh vật.

- Cải tạo các hệ sinh thái bị thoái hoá:

+ Trồng cây, gây rừng.

+ Tăng cường công tác làm thủy lợi và tưới tiêu hợp lý.

+ Bón phân hợp lý và hợp vệ sinh làm tăng độ màu mỡ của đất.

+ Thay đổi các loại cây trồng hợp lí để bảo vệ đất.

***3. Vai trò của học sinh trong việc bảo vệ thiên nhiên hoang dã:***Mỗi chúng ta đều có trách nhiệm trong việc gìn giữ và cải tạo thiên nhiên.

**II. BÀI TẬP**

1. Hãy nêu những biện pháp chủ yếu để bảo vệ thiên nhiên hoang dã.

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... ...........................................................................................................................................................

2. Mỗi học sinh cần làm gì để góp phần bảo vệ thiên nhiên? ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH .................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 28, TIẾT: 54, BÀI 35:

**BẢO VỆ ĐA DẠNG CÁC HỆ SINH THÁI-LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Sự đa dạng của các hệ sinh thái:***Có 3 hệ sinh thái chủ yếu:

+ Hệ sinh thái trên cạn: rừng, thảo nguyên, savan...

+ Hệ sinh thái nước mặn: rừng ngập mặn, hệ sinh thái vùng biển khơi...

+ Hệ sinh thái nước ngọt: ao, hồ, sông, suối....

***2. Bảo vệ các hệ sinh thái***

*- Bảo vệ hệ sinh thái rừng*

* Xây dựng kế hoạch để khai thác nguồn tài nguyên rừng hợp lí để hạn chế mức độ khai thác, không khai thác quá mức làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.
* Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia để giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ nguồn gen.
* Trồng rừng góp phần khôi phục các hệ sinh thái bị thoái hoá, chống xói mòn đất, tăng nguồn nước...
* Phòng cháy rừng ⭢ bảo vệ rừng.
* Vận động định canh, định cư để bảo vệ rừng đầu nguồn.
* Phát triển dân số hợp lí, giảm áp lực sử dụng tài nguyên rừng.
* Tuyên truyền bảo vệ rừng, toàn dân cùng tham gia bảo vệ rừng.

*- Bảo vệ hệ sinh thái biển*

* Bảo vệ bãi cát biển (nơi rùa đẻ trứng) và vận động người dân không đánh bắt rùa biển.
* Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có và trồng lại rừng đã bị chặt phá.
* Xử lí nước thải trước khi đổ ra sông, biển.
* Làm sạch bãi biển và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân.

*- Bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp*

* Duy trì hệ sinh thái nông nghiệp chủ yếu.
* Cải tạo các hệ sinh thái để đạt năng suất và hiệu quả cao.

***3. Sự cần thiết ban hành luật***

- Luật bảo vệ môi trường nhằm ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu của con người và hitên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.

- Luật bảo vệ môi trường điều chỉnh việc khai thác, sử dụng các thành phần môi trường hợp lí để phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

***4.Một số nội dung cơ bản của luật bảo vệ môi trường***

- Phòng chống suy thoái; ô nhiễm và sự cố môi trường (chương II)

- Khắc phục suy thoái; ô nhiễm và sự cố môi trường (chương III)

***5.Trách nhiệm của mỗi người trong việc chấp hành luật bảo vệ môi trường***

- Mỗi người dân phải hiểu và nắm vững luật bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền để mọi người thực hiện tốt luật bảo vệ môi trường.

**II. BÀI TẬP**

1.Luật bảo vệ môi trường ban hành nhằm mục đích gì?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

2. Bản thân em đã chấp hành luật như thế nào?

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 29

TIẾT: 55, BÀI 35: **ÔN TẬP HỌC KÌ II**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Môi trường và các nhân tố sinh thái***

***Bảng 63.1- Môi trường và các nhân tố sinh thái***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Môi trường | Nhân tố sinh thái (NTST) | Ví dụ minh hoạ |
| Môi trường nước | NTST vô sinhNTST hữu sinh | - Ánh sáng- Động vật, thực vật, VSV. |
| Môi trường trong đất và không khí | NTST vô sinhNTST hữu sinh | - Độ ẩm, nhiệt độ- Động vật, thực vật, VSV. |
| Môi trường trên mặt đất | NTST vô sinhNTST hữu sinh | - Độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ- Động vật, thực vật, VSV, con người. |
| Môi trường sinh vật | NTST vô sinhNTST hữu sinh | - Độ ẩm, nhiệt độ, dinh dưỡng.- Động vật, thực vật, con người. |

***Bảng 63.2- Sự phân chia các nhóm sinh vật dựa vào giới hạn sinh thái***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhân tố sinh thái | Nhóm thực vật | Nhóm động vật |
| Ánh sáng | - Nhóm cây ưa sáng- Nhóm cây ưa bóng | - Động vật ưa sáng- Động vật ưa tối. |
| Nhiệt độ | - Thực vật biến nhiệt | - Động vật biến nhiệt- Động vật hằng nhiệt |
| Độ ẩm | - Thực vật ưa ẩm- Thực vật chịu hạn | - Động vật ưa ẩm- Động vật ưa khô. |

***Bảng 63.3- Quan hệ cùng loài và khác loài***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quan hệ | Cùng loài | Khác loài |
| Hỗ trợ | - Quần tụ cá thể- Cách li cá thể | - Cộng sinh- Hội sinh |
| Cạnh tranh(hay đối địch) | - Cạnh tranh thức ăn, chỗ ở.- Cạnh tranh trong mùa sinh sản- Ăn thịt nhau | - Cạnh tranh- Kí sinh, nửa kí sinh- Sinh vật này ăn sinh vật khác. |

***2. Hệ thống hoá các khái niệm***

- Quần thể: là tập hợp những các thể cùng loài, sống trong 1 không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định, có khả năng sinh sản.

- Quần xã: là tập hợp những quần thể sinh vật khác loài, cùng sống trong 1 không gian xác định, có mối quan hệ gắn bó như một thể thống nhất nên có cấu trúc tương đối ổn định, các sinh vật trong quần xã thích nghi với môi trường sống.

- Cân bằng sinh học là trạng thái mà số lượng cs thể mỗi quần thể trong quần xã dao động quanh vị trí cân bằng nhờ khống chế sinh học.

- Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và khu vực sống của quần xã, trong đó các sinh vật luôn tác động lẫn nhau và tác động qua lại với nhân tố vô sinh của môi trường tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Chuỗi thức ăn: là một dãy nhiều loài sinh vật có mối quan hệ dinh dưỡng với nhau, mỗi loài là một mắt xích, vừa là mắt xích tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

- Lưới thức ăn là các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.

**II. BÀI TẬP:** Trả lời các câu hỏi trang 190 sgk

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 30

TIẾT: 57, BÀI 35: **ÔN TẬP TOÀN CẤP**

**ĐA DẠNG SINH HỌC**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Các nhóm sinh vật***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Các nhóm SV*** | ***Đặc điểm chung*** | ***Vai trò*** |
| Vi rút | - Kích thước rất nhỏ ( 12- 50 phần triệu milimét)- Chưa có cấu tạo TB, chưa phải là dạng cơ thể điển hình, kí sinh bắt buộc | - Khi kí sinh thường gây bệnh |
| Vi khuẩn | - Kích thước nhỏ bé ( một đến vài phần nghìn milimét)- Có cấu trúc TB nhưng chưa có nhân hoàn chỉnh.- Sống hoại sinh hoặc kí sinh (trừ một số ít tự dưỡng )  | - Trong thiên nhiên và đời sống con người : phân huỷ chất hữu cơ; ứng dụng trong công, nông nghiệp.- Gây bệnh cho sinh vật khác và ô nhiễm môi trường. |
| Nấm  | - Cơ thể gồm những sợi không màu, một số ít là đơn bào ( nấm men ), có cơ quan sinh sản là mũ nấm, sinh sản chủ yếu bằng bào tử- Sống dị dưỡng kí sinh hoặc hoại sinh  | - Phân huỷ chất hữu cơ thành chất vô cơ; dùng làm thuốc; thức ăn hay chế biến thực phẩm.- Gây bệnh độc hại cho sinh vật khác. |
| Thực vật  | - Cơ thể gồm cơ quan sinh dưỡng( thân, rễ, lá) và sinh sản ( hoa, quả , hạt ) - Sống tự dưỡng ( tự tổng hợp chất hữu cơ ) - Phần lớn không có khả năng di động- Phản ưng chậm với các kích thích bên ngoài. | - Cân bằng khí oxi và khí cacbônic, điều hoà khí hậu.- Cung cấp nguồn dinh dưỡng, khí thở, chỗ ở và bảo vệ môi trưòng sống cho các sinh vật khác. |
| Động vật  | - Cơ thể bao gồm nhiều hệ cơ quan và cơ quan: vận động, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, sinh sản- Sống dị dưỡng- Có khả năng sinh sản- Phản ứng nhanh với các kích thích từ bên ngoài. | - Cung cấp nguồn dinh dưỡng, nguyên liệu và được dùng vào việc nghiên cứu và hỗ trợ cho con người.- Gây bệnh hay truyền bệnh cho con người |

***2.Các nhóm thực vật***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các nhóm thực vật***  |  ***Đặc điểm*** |
| Tảo  | - Là thực vật bậc thấp, gồm thể đơn bào và đa bào, tế bào có diệp lục, chưa có rễ, thân, lá thật sự.- Sinh sản sinh dưỡng và hữu tính, hầu hết sống ở nước. |
| Rêu | - Là TV bậc cao, có thân , lá có cấu tạo đơn giản, chưa có rễ chính thức, chưa có hoa.- Sinh sản bằng bào tử, là TV sống ở cạn đầu tiên nhưng chỉ sống ở môi trường ẩm ướt. |
| Quyết | - Điển hình là dương xỉ có rễ thân lá thật và có mạch dẫn- Sinh sản bằng bào tử |
| Hạt trần  | - Điển hình là cây thông, có cấu tạo phức tạp : thân gỗ , có mạch dẫn.- Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các noãn hở, chưa có hoa và quả. |
| Hạt kín  | - Cơ quan sinh sản có nhiều dạng rễ, thân , lá, có mạch dẫn phát triển.- Có nhiều dạng hoa, quả ( có chứa hạt ) |

***3.Phân loại cây hạt kín***

*-Đặc điểm các nhóm thực vật*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các nhóm thực vật***  |  ***Đặc điểm*** |
| Tảo  | - Là thực vật bậc thấp, gồm thể đơn bào và đa bào, tế bào có diệp lục, chưa có rễ, thân, lá thật sự.- Sinh sản sinh dưỡng và hữu tính, hầu hết sống ở nước. |
| Rêu | - Là TV bậc cao, có thân , lá có cấu tạo đơn giản, chưa có rễ chính thức, chưa có hoa.- Sinh sản bằng bào tử, là TV sống ở cạn đầu tiên nhưng chỉ sống ở môi trường ẩm ướt. |
| Quyết | - Điển hình là dương xỉ có rễ thân lá thật và có mạch dẫn- Sinh sản bằng bào tử |
| Hạt trần  | - Điển hình là cây thông, có cấu tạo phức tạp : thân gỗ , có mạch dẫn.- Sinh sản bằng hạt nằm lộ trên các noãn hở, chưa có hoa và quả. |
| Hạt kín  | - Cơ quan sinh sản có nhiều dạng rễ, thân , lá, có mạch dẫn phát triển.- Có nhiều dạng hoa, quả ( có chứa hạt ) |

***-Phân loại cây hạt kín***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** |  **Cây một lá mầm** | **Cây hai lá mầm** |
| Số lá mầmKiểu rễKiểu gân láSố cánh hoaKiểu thân |  Một Rễ chùm Hình cung hoặc song song 6 hoặc 3 Thân cỏ chủ yếu | HaiRễ cọcHình mạng5 hoặc 4Thân gỗ, thân cỏ, thân leo.. |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 30, TIẾT: 58, BÀI 35: **ÔN TẬP TOÀN CẤP(tt) - ĐA DẠNG SINH HỌC (tt)**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Các nhóm động vật***

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành** |  **Đặc điểm** |
| Động vật nguyên sinh  | Là thể đơn bào, phần lớn dị dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông hay roi bơi.Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi, sống tự do hoặc kí sinh  |
| Ruột khoang | Đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp TB, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, có nhiều dạng sống ở biển nhiệt đới. |
| Giun dẹp  | Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và phân biệt đầu đuôi lưng bụng, ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn. Sống tự do hoặc sống kí sinh. |
| Giun tròn | Cơ thể hình trụ thường thuôn hai đầu, có khoang cơ thể chưa chính thức. Cơ quan tiêu hoá dài từ miệng đến hậu môn. Phần lớn sống kí sinh, một số ít sống tự do. |
| Giun đốt | Cơ thể phân đốt, có thể xoang; ống tiêu hoá phân hoá; bắt đầu có hệ tuần hoàn; di chuyển nhờ chi bên, tơ hay hệ cơ; hô hấp qua da hay mạng. |
| Thân mềm | Thân mềm không phân đốt, có vỏ đá vôi, có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và cơ quan di chuyển thường đơn giản. |
| Chân khớp  | Có số loài lớn, chiếm tới 2/3 số loài đv, có ba lớp : lớp giáp xác, lớp hình nhện, lớp sâu bọ. Các phần phụ phân đốt và khớp động với nhau, có bộ xương ngoài bằng ki tin. |
| Động vật có xương sống | Có các lớp chủ yếu là : cá, lưỡng cư, bò sát, chim và thú, có bộ xương trong, trong đó có cột sống chứa tuỷ sống, các hệ cơ quan phân hoá và phát triển đặc biệt là hệ thần kinh . |

**2.Các lớp động vật có xương sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lớp**  |  **Đặc điểm** |
| Cá  | - Sống hoàn toàn dưới nước, bơi bằng vây, hô hấp bằng mang. Có một vòng tuần hoàn, tim hai ngăn chứa máu đỏ thẩm, thụ tinh ngoài là động vật biến nhiệt |
| Lưỡng cư  | - Sống ở nước và ở cạn, da trần và ẩm ướt, di chuyển bằng 4 chi, hô hấp bằng phổi và da, có hai vòng tuần hoàn, tim ba ngăn, tâm thất chứa máu pha, thụ tinh ngoài, sinh sản trong nước, nòng nọc phát triển qua biến thái, là động vật biến nhiệt. |
| Bò sát | - Chủ yếu sống ở cạn, da và vảy sừng khô, cổ dài phổi có nhiều vách ngăn, tim có vách hụt ngăn tâm thất (trừ cá sấu) máu nuôi thể là máu pha, có cơ quan giao phối, thụ tinh trong; trứng có màng dai hoặc có đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng là động vật biến nhiệt . |
| Chim  | - Mình có lông vũ bao phủ, chi trước biến thành hai cánh; phổi có mạng ống khí, có túi khí tham gia vào hô hấp, tim có bốn ngăn máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi, trứng lớn có đá vôi, được ấp và nở ra con nhờ thân nhiệt của chim bố mẹ; là động vật hằng nhiệt. |
| Thú | Mình có lông mao bao phủ, răng phân hoá thành răng nanh, răng cửa và răng hàm; tim 4 ngăn; bộ não phát triển đặc biệt ở bán cầu não và tiểu não; có hiện tượng thai sinh và nuôi con bằng sữa mẹ; là ĐV hằng nhiệt |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 31

TIẾT: 59, BÀI 35: **ÔN TẬP TOÀN CẤP(tt)** - **SINH HỌC CƠ THỂ**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Sinh học cơ thể***

***-Chức năng của các cơ qua cây có hoa***

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan** |  **Chức năng**  |
| Rễ  | Hấp thụ nước và muối khoáng cho cây |
| Thân | Vận chuyển nước và muối khoáng từ rễ lên lá và các chất hữu cơ từ lá đến các bộ phận khác của cây. |
| Lá | Thu nhận ánh sáng để quang hợp tạo chất hữu cơ cho cây, trao đổi khí với môi trưòng ngoài và thoát hơi nước. |
| Hoa | Thực hiện thụ phấn thụ tinh, kết hạt tạo quả |
| Quả | Bảo vệ hạt và góp phần phát tán hạt  |
| Hạt  | Nảy mầm thành cây con, duy trì và phát triển nòi giống |

- Chức năng của các cơ quan và hệ cơ quan ở người

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan và hệ cơ quan** | **Chức năng** |
| Vận động | Nâng đỡ và bảo vệ cơ thể, tạo cử động và di chuyển cho cơ thể |
| Tuần hoàn | Vận chuyển chất dinh dưõng, ôxi vào Tb và chuyển sản phẩm phân giải từ tế bào tới hệ bài tiết theo dòng máu |
| Hô hấp | Thực hiện trao đổi khí với môi trường ngoài, nhân ôxi và thải khí cacbônic  |
| Tiêu hoá  | Phân giải các chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ đơn giản |
| Bài tiết | Thải ra ngoài cơ thể các chất không cần thiết hay độc hại cho cơ thể. |
| Da | Cảm giác, bài tiết điều hoà thân nhiệt và bảo vệ cơ thể |
| Thần kinh và các giác quan | Điều khiển, điều hoà và phối hợp hoạt động của các cơ quan, bảo đảm cho cơ thể là một thể thống nhất toàn vẹn. |
| Tuyến nội tiết | Điều hoà các quá trình sinh lí của cơ thể, đặc biệt là các quá trình trao đổi chất, chuyển hoá vật chất và năng lượng bằng con đường thể dịch theo đường máu |
| Sinh sản | Sinh con, duy trì và phát triển nòi giống |

**2. Sinh học tế bào**

-Cấu trúc tế bào

+Chức năng ở các bộ phận của tế bào

|  |  |
| --- | --- |
| **Các bộ phận** | **Chức năng** |
| Thành tế bào |  Bảo vệ tế bào |
| Màng tế bào |  Trao đổi chất giữa trong và ngoài tế bào |
| Chất tế bào |  Thực hiện các hoạt động sống của tế bào |
| Ti thể |  Thực hiện sự chuyển hoá năng lượng của tế bào |
| Lục lạp |  Tổng hợp chất hữu cơ ( quang hợp )  |
| Ribôxôm |  Tổng hợp prôtêin |
| Không bào  |  Chứa dịch tế bào |
| Nhân | Chứa vật chất di truyền( ADN, NST ) điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào |

+Các hoạt động sống của tế bào

|  |  |
| --- | --- |
| **Các quá trình** |  **Vai trò** |
| Quang hợp | Tổng hợp chất hữu cơ |
| Hô hấp | Phân giải chất hữu cơ và phân giải năng lượng |
| Tổng hợp prôtêin | Tạo prôtêin cung cấp cho tế bào |

-Phân bào

Những điểm khác nhau giữa nguyên phân và giảm phân

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các kì** | **Nguyên phân** | **Giảm phân I** | **Giảm phân II** |
| Kì đầu | NST co ngắn, đóng xoắn và đính vào thoi phân bào ở tâm động . | NST kép co ngắn đóng xoắn, cặp NST kép tương đồng đóng xoắn theo chiều dọc và bắt chéo. | NST co ngắn ( thấy rõ số lượng NST kép) đơn bội. |
| Kì giữa  | Các NST co ngắn cực đại và xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào | Từng cặp NST kép xếp thành hai hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào. | Các NST kép xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào |
| Kì sau  | Từng NST kép tách nhau ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về hai cực của TB | Các NST kép tương đồng phân li độc lập về hai cực của tế bào | Từng NST kép tách nhau ở tâm động thành hai NST đơn phân li về hai cực của tế bào. |
| Kì cuối | Các NST nằm trong nhân với số lượng 2n như ở tb mẹ | Các NST kép nằm trong nhân với só lượng n ( kép ) =1/2 ở tb mẹ | Các NST đơn nằm trong nhân với số lượng bằng ( nst đơn) |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ**TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN SINH HỌC LỚP 9** |
| Họ và tên HS: .............................................. | Lớp 9/......  |

TUẦN: 31, TIẾT: 60, BÀI 35: **ÔN TẬP TOÀN CẤP(tt)** - **DI TRUYỀN VÀ BIẾN DỊ**

 **I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. *Cơ sở vật chất và cơ chế của hiện tượng di truyền***

***Các cơ chế của hiện tượng di truyền***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ sở vật chất** | **Cơ chế** | **Hiện tượng** |
| Các phân tử ADN | ADN → A RN → Prôtêin | Tính đặc thù của Prôtêin |
| Cấp tế bào NST | Nhân đôi – phân li - tổ hợpNguyên phân – giảm phân – thụ tinh  | Bộ NST đặc trưng của loài con giống bố mẹ  |

**2.Các quy luật di truyền**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quy luật di truyền** | **Nôi dung** | **Giải thích** |
| Phân li | Trong quá trình phát sinh giao tử, mỗi nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền phân li về một giao từ và giữ nguyên bản chất như ở cơ thể thuần chủng của P. |  Phân li và tổ hợp của cặp gen tương ứng |
| Phân li độc lập | Các cặp nhân tố di truyền (cặp gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử | Phân li độc lập, tổ hợp tự do của các cặp gen tương ứng |
| Di truyền giới tính |  Ở các loài giao phối tỉ lệ đực cái là 1:1 | Phân li và tổ hợp của các nhiễm sắc thể giới tính. |
| Di truyền liên kết  | Là hiện tượng một nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được qui định bởi các gen trên một nhiễm sắc thể cùng phân li trong quá trình phân bào | Các cặp gen liên kết cùng phân li với NST trong phân bào. |

**3.Biến dị:**Các loại biến dị

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Biến dị tổ hợp** | **Đột biến** | **Thường biến** |
| Khái niệm | Sự tổ hợp lại các gen của P tạo ra ở thế hệ lai những kiểu hình khác P | Những biến đổi về cấu trúc, số lượng của ADN và NST, khi biểu hiện thành kiểu hình là thể đột biến | Những biến đổi ở kiểu hình của một gen, phát sinh trong quá trình phát triển cá thể dưới ảnh hưởng của môi trường |
| Nguyên nhân  | Phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp gen trong giảm phân và thụ tinh  | Tác động của các nhân tố môi trường trong và ngoài cơ thể vào ADN và NST | Ảnh hưởng của điều kiện môi trường chứ không do sự biến đổi trong kiểu gen |
| Tính chất và vai trò  | Xuất hiện với tỉ lệ không nhỏ, di truyền được là nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá | Mang tính cá biệt, ngẩu nhiên, có lợi hoặc có hại là nguyên liệu cho tiến hoá và chọn giống | Mang tính đồng loạt, định hướng có lợi, không di truyền được nhưng đảm bảo cho sự thích nghi của cá thể. |

**4.Đột biến:** Các loại đột biến

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đột biến gen** | **Đột biến cấu trúc NST** | **Đột biến số lượng NST** |
| Khái niệm  | Những biến đổi trong cấu trúc của ADN thường tại một điểm nào đó | Những biến đổi trong cấu trúc của NST | Những biến đổi về số lượng trong bộ NST. |
| Các dạng đột biến | Mất, thêm, chuyển vị trí thay thế 1 cặp nu | Mất, lặp , đảo, chuyển đoạn | Dị bội thể và đa bội thể |

**5. Hệ sinh thái**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Quần thể** | **Quần xã** | **Hệ sinh thái** |
| Khái niệm | Bao gồm những cá thể cùng loài, cùng sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định, giao phối tự do với nhau tạo ra thế hệ mới | Bao gồm những QT thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định, có mối quan hệ sinh thái mật thiết với nhau. | Bao gồm QX và khu vực sống của nó, trong đó có các sinh vật luôn có sự tương tác lẫn nhau và với các nhân tố không sống tạo thành một hệ sinh thái hoàn chỉnh và tương đối ổn định. |
| Đặc điểm | Có các đặc trưng về mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần tuổi…các cá thể có mối quan hệ sinh thái hổ trợ hoặc cạnh tranh. Số lượng cá thể có thể biến động có hoặc không theo chu kì thường được điều chỉnh ở mức cân bằng. | Có các tính chất cơ bản về số lượng và thành phần các loài, luôn có sự khống chế tạo nên sự cân bằng sinh học về số lượng các thể. Sự thay thế kế tiếp nhau của các quần xã theo một thời gian và diễn thế sinh thái. | Có nhiều mối quan hệ nhưng quan trọng là về mặt dinh dưỡng thông qua chuổi và lưới thức ăn. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái được vận chuyển qua các bậc dinh dưõng của các chuổi thức ăn:SV sản xuất →SV tiêu thụ → SV phân giải. |

III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC ÔN TẬP TOÀN CẤP CỦA HỌC SINH ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................